

## Opinions d'un jeune Ý-kiến của một người thanh-niên

Notre excellent collaborateur et ami, M. NGUYỄN NHỎ, dont nos lecteurs se rappellent les belles études publiées ici même, nous adresse ces pages extraites, dit-il, textuellement d'une longue lettre à lui écrite par un jeune ami de vingt ans. Nous les publions avec plaisir, en leur conservant leur tournure originale, parce qu'elles nous paraissent exprimer avec chaleur et conviction les désirs, les aspirations, les préoccupations de la nouvelle jeunesse annamite qui a goûté à l'arbre du « nouveau savoir » et qu'anime le plus noble souci de l'intérêt général et du bien public.

N.-P.

\* \* \*

... On parle beaucoup des jeunes dans ces dernières années. J'appelle jeunes ceux qui viennent de dépasser la vingtaine et chez qui l'âme est en train de se former. Il est naturel que les jeunes se fassent parler d'eux, puisque dans dix ans ils auront en mains la fortune de la vieille patrie. Quand un pilote vient prendre la place d'un aîné auprès du gouvernail, l'aîné ne s'en va pas sans dire quelques mots, et ce qu'il dit dépend un peu de son caractère, de ses idées, de son expérience des choses et des gens et de ce qu'il sait sur la valeur professionnelle du remplaçant. Il y a des aînés bons camarades, sympathisant immédiatement avec les nouveaux venus; des aînés moralistes, peu avarés en conseils et en admonestations; des aînés philosophes qui acceptent les événements comme ils viennent, sans soupir, ni sourire; des aînés remplis de zèle, fortement convaincus qu'ils pourront rendre encore des services à l'équipage. C'est pourquoi la jeunesse annamite ne semble pas très étonnée d'entendre, dans la rumeur confuse qui s'élève autour d'elle, à la fois des éloges et des reproches, des conseils et des menaces, des applaudissements de joie et des cris de colère. Elle écoute avec un infini plaisir ce que « les grands frères » pensent d'elle, tout en jetant, malicieuse, comme une vraie ga-

... Mấy năm nay nghe thấy nói đến thanh-niên nhiều lắm. Tôi gọi là thanh-niên ấy là những người mới ra ngoài hai-mươi tuổi, hồn-tinh hãy còn như đương thành-lập. Thiên-hạ hay nói đến thanh-niên cũng là phải, vì trong mười năm nữa thì kẻ thanh-niên ngày nay sẽ ra gánh vác công việc cho cái lão-đại-tổ-quốc kia vậy. Khi người cầm lái mới đến thay người cũ đề cầm lái tàu, thời người cũ đi tất phải nói lại một vài câu, và những lời nói ấy là tùy cái tính-cách, cái tư-tưởng của mình, cùng là mình từng-trải sự đời người đời thế nào và xét cái tài-cần của người đến thay mình thế nào. Người cũ ấy có khi là người tính tốt, có cảm-tình ngay với anh em mới; có khi là người đạo-đức, không nề khuyên-răn trách-móc; có khi là người quân-lử, đối với mọi việc cũng cứ thẳng-nhiên, không than-vãn, không vui-cười, chỉ một lòng đôn-đốc và tin rằng mình còn có thể giúp kẻ thuyền-viên được việc nữa. Bởi thế nên kẻ thanh-niên Việt-Nam bây giờ nghe thấy những lời bình-phẩm xôn-xao ở quanh mình, nào là lời khen tiếng chê, nào là câu khuyên giọng nạt, nào là tiếng vỗ tay mừng, nào là

mine, un coup d'œil investigateur dans leur vie intime pour surprendre quelques-uns de ces gestes insignifiants qui peuvent révéler le fond ténébreux de l'homme. L'un, qui est poète, lui dit: « Vous êtes la fleur du pays » et il souhaite que la fleur exhale un doux parfum pour retenir les passants. Un autre, aux idées plus pratiques, la compare à une semeuse d'idées et exhorte la semeuse à répandre aux quatre vents du royaume de belles semences. Un troisième affirme qu'elle est une porteuse aux jambes d'Atalante à qui on va confier la noble mission de porter le flambeau qui éclaire et il lui conseille de le porter haut pour mieux éclairer.

Celui-ci se contente de lui faire connaître qu'elle a des vertus nouvelles, inconnues des ancêtres, comme l'amour du travail, le goût des aventures, le respect de la femme (parle-t-il sérieusement ?) Celui-là, avec une franchise louable, lui démontre par les statistiques, les rapports de la police, les chroniques des journaux, les témoignages des directeurs de conscience, qu'elle est une corrompue. Quelqu'un qui jouit d'une belle réputation d'homme spirituel déclare simplement: « Vous êtes ce que nous avons été et vous serez ce que nous sommes. » Enfin, chacun des « aînés » a son mot à dire à ses « jeunes frères » qui attendent d'eux des conseils et des directives. C'est un signe du temps. Comme tous les signes du temps, il passera peut-être, mais il révèle, entre autres choses, un état d'esprit dont il faut être heureux de consta-

tiêng hò-hét giận, cũng không lấy gì làm lạ cho lắm. Nghe thấy các bậc « dân-anh » phán - đoán mình, cũng lấy làm khoái-tri lắm, nhưng mà trẻ người hay có tính « tinh-danh », vừa nghe lời các ngài nói, lại vừa ghé đưa con mắt nhìn cái cách cư-xử riêng của các ngài, xem có dò được một vài cái việc nho - nhỏ kia, nó biểu - lộ được cái tinh-tinh bí-mật của người ta. Một ngài là tay thi-nhân, bảo bọn thanh-niên rằng: « Các anh vì như cái hoa của trong nước », và chúc cho hoa nở hương thơm để lưu-luyến khách qua đường. Ngài khác thời tư-tưởng thiết-thực hơn, vì thanh - niên như người rắc hạt giống, và khuyên nên rắc những hạt giống tốt ra khắp bốn phương trong nước. Ngài nữa thời nói rằng thanh-niên như một người nữ - lực-sĩ Hi-lạp, mạnh chân chạy khỏe, nên giao cho cái chức-trách cao-thượng phải mang ngọn đuốc văn-minh và khuyên nên mang cho thật cao để chiếu cho được khắp.

Ngài này thời bảo cho thanh-niên biết rằng có nhiều cái đức-tinh mới, tiên-nhân ngày xưa không có, như chăm làm, mạo-hiêm, biết qui-trọng người dân-bà (không hay ngài nói thực hay nói bỡn ?) Ngài kia thời không sợ nói thật mất lòng, đem các sổ thống-kê, các giấy báo-cáo của cảnh-sát, các thời-sự của nhật-trình, các lời bằg-chứng của những vị linh-mục, rạ mà chứng rằng thanh-niên ngày nay dâm-dăng. Lại có ngài xưa nay có tiếng là người thông - minh dĩnh - ngộ, chỉ nói có một câu bình - thường như thế này: « Xưa chúng tôi thế nào, nay các anh như thế, và nay chúng tôi thế nào, sau các anh sẽ thế. » Nói tóm lại thì lũ « đàn em » đợi các ngài « đàn anh » khuyên-bảo chỉ-dạy cho, ngài nào cũng sẵn lòng ban cho một vài câu. Đó cũng là một cái triệu-chứng hay về thời-thế. Đã là một cái triệu-

ter la vague existence: les « *grands frères* » s'occupent un peu des cadets.

De voir qu'elle est un sujet de préoccupation des plus hautes intelligences du pays, la jeunesse éprouve un naïf orgueil, et naïve, elle se complait à glorifier à ses yeux son grand rôle futur. Elle se dit innocemment que d'elle, de son âme, de ses travaux dépendra la patrie, son âme, son avenir. Volontiers, elle se compare, avec une profusion d'images, à un architecte appelé à bâtir un édifice pour abriter l'âme blessée de la vieille mère commune; à une fileuse filant des toiles nouvelles avec les nouvelles idées venues d'Europe pour les usages prochains; à l'aurore dardant ses rayons dorés sur la nature au réveil, à. . . que sais-je encore? Et des rêves la bercent, comme berce la feuille le vent capricieux du matin. Contempler le ciel pendant les nuits fraîches de l'automne, regarder la lune qui joue à cache-cache avec les légers flocons de nuage, humer la senteur enivrante des herbes et des plantes de la prairie, écouter la voix flûtée des cerfs-volants qui chantent du haut des cieux avec la brise parfumée, scander des vers débordants d'images et de sentiments sous les caresses de la lumière bleuâtre, au tremblement rythmique des jambes, vivre et mourir dans la pure poésie, au milieu de la musique des mots et du miroitement des couleurs, loin, bien loin des basses réalités de l'existence bourgeoise: ce n'est pas à ces distractions de jadis que songe maintenant la jeune génération. Elle est moins capable que son aînée de ressentir les fortes émotions intellectuelles, puisées dans les strophes chantantes d'un Nguyễn Du ou dans un *bát-cú* musical de Madame de Thanh-Quan. Elle est plus incapable encore de comprendre le sourire désenchanté qui flotte autour des lèvres amères de l'auteur du *Cung-oán*. Il ne faut pas lui demander

chúng thì rồi tất sẽ qua đi, nhưng mà cũng đủ biểu rõ một cái tình-tình hay, ta nghiệm thấy cũng nên mừng: là đàn anh đã hơi có bụng quyến-cổ đến đàn em một chút.

Thanh-niên thấy mình được những bậc tài-tri trong nước chú-ý đến, cũng thật-thà hơi có ý tự-cao, sẵn lòng phô-trưng cái trách-nhiệm lớn-lao của mình sau này. Tự nghĩ bụng rằng vận-mệnh quốc-gia sau này là quan-hệ ở cái tư-cách sự-nghiệp mình đó. Dùng vô-số những câu tỉ-dụ mà tự ví mình, nào ví như người xây nhà sẽ dựng ra một cái lâu-đài để phụng-dưỡng cái hồn đau-đớn của tổ-quốc; nào ví như một người dệt củi, lấy những tư-tưởng mới của Âu-châu mà dệt thành những tấm vải mới để dùng về sau này; nào ví như vàng đồng mới mọc chiếu sáng cả cảnh-vật buổi sáng; nào biết còn ví với những cái gì cái gì nữa? Lại phát-phơ mộng-tưởng nữa, như cái lá trước gió hất-hiu buổi sáng. Đem mắt mùa thu ngắm cảnh trời; nhìn mặt trăng luồn lối với những bông mây phơi-phới, ngửi mùi thanh-tân của cỏ cây ngoài đồng; nghe tiếng diều sáo vo-ve trên trời cùng với gió thơm phảng-phất; rung đùi mà ngâm những câu thơ chứa-chan những tình cùng cảnh ở dưới bóng trăng xanh; sống chết ở trong cõi thơ chân-thú, trong cõi thanh-âm hình-sắc tuyệt-trần, xa xa ra ngoài những cái cảnh bần-tiện trong cuộc đời tầm-thường; đó là những cái thú của các cụ đời xưa mà thanh-niên bây giờ không nghĩ tới nữa. Thanh-niên không biết cảm-kích sâu bằng các cụ trong khi ngâm những câu truyện *Kiều* hay là bài thơ *bát-cú* của bà huyện Thanh-quan, giọng êm như đàn hát. Lại không biết biểu cái cười cay đời của ông nào làm ra bài *Cung-oán*. Cũng

non plus de relever l'intérêt esthétique des comédies humaines, en les imprégnant d'un léger parfum de pessimisme. On a raison de dire qu'elle reste « ébahie comme un bœuf » quand elle se trouve devant un de ces poèmes antiques, tant goûtés par les ancêtres. Mais elle n'en a pas moins ses rêves, et ceux-ci, pour être plus terre à terre, ne méritent pas toujours le dédain des aînés. On peut lui faire l'honneur de croire qu'elle pense aussi, au moins dans ses bons moments, à l'avenir de la vieille patrie. Si inexpérimentée soit-elle, elle comprend que les défaites à l'extérieur traduisent les insuffisances du dedans et que l'une de ces insuffisances est la déchéance de la notion du devoir. Elle voudrait travailler à la ranimer un peu avec l'aide des aînés. Ah ! le fol enthousiasme qui soulève la jeune ardeur ! L'un désire, par la plume et la parole, entretenir l'espérance consolatrice qui permet de faire la besogne nécessaire sous l'égide du peuple protecteur ; un autre rêve d'une carrière militaire où puissent se développer certaines qualités latentes de la race, rêve que les circonstances actuelles et l'absence de toute école d'officiers indigènes ne permettent pas encore de réaliser. Celui-ci dit qu'il apprendra à guérir les maladies physiques et morales du vieil Annam ; celui-là parle de se vouer au culte de la muse nationale et de travailler à la défense et à l'illustration de notre langue ; cet autre décide de marcher dans le chemin des Occidentaux pour leur surprendre quelques-uns de ces secrets qui font leur puissance. Beaucoup caressent le projet de faire, par les actes et les paroles, par la vie privée et la vie publique, une trouée dans l'épaisse muraille des préjugés sur les métiers manuels qui ont apporté tant d'entraves dans la tâche du relèvement matériel et économique du pays, condition principale, sinon essentielle de son relèvement intellectuel et moral. Ah ! les rêves de la jeunesse ! de la jeunesse bouillonnante, téméraire et malavisée qui présume trop de sa force et de ses

không biết lấy cái hương - vị yêm-thể mà điềm cho cái trò đời lắt-léo. Người ta nói rằng thanh-niên nghe đọc bài cổ-thi của các cụ ngày xưa vẫn lấy làm khoái-trá, mà cũng « đực như bò », tưởng cũng là nói phải. Nhưng không phải là thanh-niên không có mơ-mộng, dầu mơ-mộng những sự thiêu-cận, nhưng cũng không đáng kể đàn-anh khinh-rẻ. Cũng có thể cho thanh-niên được cái danh-dự rằng những lúc biết nghĩ cũng biết nghĩ đến cái hậu-vận của tổ-quốc nhà. Dù chưa được từng-trải sự đời, cũng biết rằng sự thất-bại ở bên ngoài là cái biểu-hiệu sự khiếm-khuyết ở bên trong, và một sự khiếm-khuyết trong những sự khiếm-khuyết ấy là khiếm-khuyết cái quan-niệm về nghĩa-vụ. Thanh-niên muốn cùng với đàn-anh giúp cho phục-hồi lại cái quan-niệm ấy. Ôi ! cái lòng hăm-hở của kẻ thiếu-niên ! Người này thì muốn dùng ngọn bút, dùng lời nói để nuôi cái lòng hi-vọng trong quốc-dân, ngõ-hầu cùng với nhà nước bảo-hộ lo-toan việc cải-cách trong nước ; người kia thì hi-vọng muốn theo nghề binh để phát-siễn cái sức ngầm thượng-võ của giống-nòi, lòng hi-vọng ấy, cứ tinh-thể ngày nay và hiện chưa có trường quan-võ cho người Nam mình, thì cũng khó mà thực-hành được. Người thời nói rằng muốn tìm cách chữa các bệnh-tật cho cái Việt-Nam - cố-quốc này, bệnh trong thân-thể, bệnh trong tinh-thần ; người thời nói muốn giốc lòng thờ cái hồn thơ trong nước, và gia-công bảo-tồn cùng phát-huy cái quốc-âm của mình ; lại người thì quyết chí theo một đường lối như người Tây để dò lấy cái bí-thuật đã làm cho họ được phú-cường. Nhiều người lại mưu muốn lấy việc làm, lấy lời nói, lấy cách ăn-ở riêng và cách hành-động chung, để phá cái trường-thành những sự thiên-kiến

talents ! Comme une intrépide alpiniste, allègrement elle est partie pour le voyage de la vie, confiant en la force de ses jambes et enivrée d'espérances. L'air est parfumé, le ciel limpide, le vent frais. Les oiseaux chantent dans les buissons, l'eau entre les rives vertes et la joie dans leur cœur. La route est longue ? Qu'importe ! les illusions suppriment la distance. Le sol est rocailleux ? Qu'importe ! l'enthousiasme donne des ailes. On fredonne un vieil air routier, et le courage renaît, et l'on veut aller plus, toujours plus loin, le corps et l'âme livrés entièrement aux fortes émotions du voyage. . .

Mais voilà qu'un carrefour se présente. Faut-il prendre ce chemin de traverse qui se faufile là-bas sous les arbres, se haussant et s'inclinant avec les accidents du terrain ? ou bien cette large route blanche qui s'en va tout droit devant elle, sur laquelle le soleil verse sa lumière aveuglante ? ou plutôt ce sentier discret qu'on voit s'enfuir humblement au loin, sous les ramures et les ombrages, décrivant des rondes autour des cabanes ? Quelle est la voie qui conduit le plus sûrement au but visé ? ou qui réserve les plus fortes émotions au voyageur ? On s'engage dans le chemin de traverse, suivant l'exemple des prédécesseurs, mais on s'aperçoit bientôt qu'il dissimule des ornières profondes, et l'on retourne sur ses pas. On suit la route blanche qui s'en va tout droit devant elle : qu'elle est rude, la marche, sous le soleil de midi, sur ce sable brûlant que ne protège aucun ombrage ! On prend le sentier discret qui se cache sous la verdure :

về các thủ-nghệ, những sự thiên-kiến ấy đã làm ngăn-trở sự tiến-bộ của nước ta về đường vật-chất, đường kinh-tế biết bao nhiêu, mà muốn tiến-bộ về đường tinh-thần, thì tất phải có tiến-bộ về đường vật-chất mới được. Ôi những cái mộng của thanh-niên ! thanh-niên nóng-nảy, táo-bạo, không biết tự lượng tài lượng sức ! Mạnh-bạo như người trèo núi, hăm-hở bước chân đi, khởi-hành cái cuộc du-lich ở đời, tin ở cái sức mạnh của chân mình và trong lòng đầy những hi-vọng. Khi trời thom, sắc trời trong, gió thổi mát. Chim kêu trong bụi, nước chảy róc-rách ở giữa hai bờ xanh, mà trong lòng thì hớn-hở vui-mừng. Đường còn xa ư ? Có hề chi ! Lòng mơ-trưởng làm cho rút đường xa. Đất sành-sỏi ư ? có hề chi ! Lòng hi-vọng làm cho người có cánh. Vừa đi vừa hát một bài cổ - ca lữ - hành lại càng thấy trong người phấn-chấn, muốn đi lên, bước lên hoài, thân-thể linh-hồn như sẵn đón lấy những sự cảm-dộng trong cuộc đường trường...

Nhưng vừa đi tới một nơi ngã rẽ, biết rẽ về đường nào ? Hay là đi cái đường tắt kia nó len-lỏi ở dưới cây, theo đất gồ-ghề mà chỗ lên chỗ xuống ? Hay là đi con đường rộng-rãi trắng xóa kia, chạy thẳng-băng, mặt trời trời lọi ? Hay là theo con đường nhỏ hẹp kia nó chạy ngút-ngàn ở dưới bóng cây, đi quanh đi co các lều các túp ? Trong bấy nhiêu đường, đường nào là đường đi đến nơi mục-dịch cho mau ? đường nào là đường dành cho kẻ đi đường được nhiều cái cảm-thú mạnh-bạo ? Theo người trước đi vào con đường tắt, nhưng càng đi càng thấy những hang cùng hốc, phải quay trở lại. Theo con đường trắng xóa chạy thẳng-băng trước mặt, thì trời trưa nắng trang-trang, cát nóng bỏng, bóng cây không có, đi cũng khổ thật ! Đi con đường nhỏ len-lỏi trong bóng cây,

non Lil est trop étroit et trop court ! Les jambes de la jeunesse sont faites pour parcourir les grandes distances. Et l'on va d'une route à l'autre, on tourne autour du carrefour sans pouvoir se décider, et pendant ce temps, les minutes s'écoulent, puis des heures, puis d'autres et d'autres heures encore. On se remémore alors ce qu'on a appris à l'école pour voir si l'on ne peut pas découvrir, à la lumière de ses connaissances, une voie à suivre.

Ce qu'on a appris à l'école ? Beaucoup de choses fort savantes pour "épater" la foule des ignorants. On y a appris à conjuguer les verbes, à construire des phrases, à résoudre des problèmes, à écrire des formules chimiques. Quelques-uns y ont appris aussi la philosophie. Je me le rappelle : la philosophie est la science des premiers principes et des premières causes. Pythagore enseignait que les nombres sont les véritables réalités, les raisons intimes des êtres de la nature. Socrate pensait que les vérités se trouvent à l'état latent dans tous les esprits et qu'on peut les accoucher par des questions habiles. Platon voyait derrière les phénomènes une idée directrice, éternelle, incorruptible dont les hommes de la terre sont des reflets plus ou moins vagues. Epicure trouvait que le but de la vie est le bonheur et que le bonheur est dans le calme de l'esprit qui ne désire rien, ne redoute rien, et ne s'émue de rien. Saint-Augustin disait que l'homme est extrêmement faible, à cause du péché originel, mais qu'il a une illusion de liberté qui suffit à lui donner du mérite s'il fait du bien et du démerite s'il fait du mal, et que cette illusion de liberté, étant une liberté relative, laisse absolue la prescience de Dieu. Les plus savants d'entre nous pourront vous dire aussi quelques mots par exemple sur le doute méthodique de Descartes, le fatalisme de Spinoza, l'optimisme de Leibniz, le pessimisme de Schopenhauer, ou le déterminisme de Locke, le sensualisme de Condillac, la morale pratique de Kant, la morale

nhưng đường lại nhỏ-hẹp ngắn-ngủi quá ! Chân thiếu-niên phải đi những quãng đường dài mới thỏa sức. Rồi cứ đi đường nọ ra đường kia, quanh-quần ở chỗ ngã rẽ, không biết quyết-định đường nào, trong khi ấy thì ngày giờ qua đi vùn-vụt. Bấy giờ mới nhớ đến sự học ở nhà trường, thử hỏi-tưởng lại những điều mình đã học xem có đủ tìm được con đường nào là đường nên đi không.

Những điều đã học ở nhà trường là những gì ? Kể thời học được nhiều những nghĩa-lý sâu-xa lắm, đủ « lòe » được kẻ không biết. Nào học chia các « ve-bò », học đặt câu chữ tây, học giải-quyết các tính số, học viết những phù-hiệu các chất hóa-học. Cũng có một vài người đã học đến triết-học. Tôi còn nhớ : nào là triết - học là khoa-học về những đệ-nhất-nguyên-nhân và đệ-nhất-nguyên-lý. Nào ông PYTHAGORE dạy rằng trong vũ-trụ duy có số-mục là những cái chân-tượng đích xác, những cái cấu-cánh-nguyên-lý của vạn-vật. Nào ông SOCRATE dạy rằng cái chân-lý là nó ngấm-ngấm trong trí-khôn ta, có thể dùng những câu hỏi khéo mà khéo-gợi nó ra được. Nào ông PLATON dạy rằng trong những cái hiện-tượng bề ngoài, có một cái nguyên-lý chủ-trương, thiên-niên bất-dịch, người ta ở trên mặt đất này chẳng qua là những cái bóng mập-mờ của những nguyên - lý ấy mà thôi. Nào ông EPICURE dạy rằng cái mục-đích của đời người là sự sung-sướng, mà sung-sướng là khi trí mình bình-tĩnh, không ham-muốn sự gì, không sợ-hãi cái gì, không cảm-động cái gì. Nào ông SAINT-AUGUSTIN dạy rằng người ta vì cái tội nguyên-thủy nên bản-dĩ là giống yếu-hèn, nhưng còn cái mơ-mộng được tự-do, đủ khiến cho làm lành được thường, làm dữ phải tội, song sự tự-do ấy là mơ-mộng mà thôi,

des surhommes de Nietzsche, ou encore sur la classification des sciences positives d'après Auguste Comte, l'arithmétique des plaisirs de Bentham, la méthode expérimentale de Claude Bernard, la théorie de la matière créatrice de Bergson, enfin sur ces entités mystérieuses aux multiples faces changeantes qu'on appelle le Bien, le Beau, le Vrai. Peut-être sont-ils encore capables de tenir de longs discours sur le "Nirvana" de Bouddha, le "Tao" de Lao-tseu, la doctrine du Juste Milieu de Confucius, mais bien peu, hélas, — avouons-le franchement — ont pu apprendre à l'école à se diriger eux-mêmes dans les circonstances difficiles d'après des principes déterminés.

Non! les connaissances indigestes que la jeunesse annamite a acquises ne peuvent pas l'aider à s'orienter devant le carrefour des devoirs; et alors?

Alors on regarde autour de soi pour découvrir un guide. Il y a aujourd'hui dans la société annamite quatre classes d'hommes émergeant de la foule: les lettrés réfractaires, les mandarins, les nouveaux riches et les nouveaux intellectuels.

Les lettrés réfractaires.— Je désigne sous ce nom tous ceux qui ont refusé de servir le protectorat français ou qui ont été licenciés par lui pour n'avoir pas voulu marcher dans son sillage. Au physique,

néu không phải là tự-do hoàn-toàn, thành không phạm gì đến cái toàn-trí toàn-năng của ông Thiên-Chúa. Lại những tay học giỏi có thể giảng-giải về sự « phương-pháp-hoài-nghi » của ông DESCARTES, về cái « định-mệnh-chủ-nghĩa » của ông SPINOZA, về cái « lạc-quan-chủ-nghĩa » của ông LEIBNIZ, về cái « bi-quan-chủ-nghĩa » của ông SCHOPENHAUER, về cái « tiên-định-chủ-nghĩa » của ông LOCKE, về cái « giác-quan-chủ-nghĩa » của ông CONDILLAC, về cái « thực-tiên-đạo-đức » của ông KANT, về cái « siêu-nhân-luân-lý » của ông NIETZSCHE; hay là giảng về cách phân-loại các khoa thực-học của ông AUGUSTE COMTE, về cái « số-học các sự khoái-lạc » của ông BENTHAM, về phép thí-nghiệm của ông CLAUDE BERNARD, về cái thuyết « sáng-tạo-dịch vật-chất » của ông BERGSON, về mấy cái danh-biện u-âm bí-mật và vạn-trạng thiên-hình, là điều Thiện, điều Mĩ, điều Thực. Lại cũng có lẽ có thể diễn-thuyết dài về cõi « nát-bản » nhà Phật, về « Đạo » của Lão-tử, về thuyết « Trung-dụng » của Khổng-tử; nhưng mà, than ôi, ta xin thú thật ít người khi đi học đã học được cái đạo xử-thế dễ đến khi ra đời tùy cảnh-ngộ mà xử mình cho hợp với đạo-lý.

Không! những cái học của thanh-niên đã học được ở nhà trường không đủ giúp để quyết-định phương-hướng ở giữa chỗ các nghĩa-vụ phân-kỳ; thế thì biết làm thế nào?

Bấy giờ mới nhìn khắp quanh mình để tìm người hướng-đạo. Hiện nay trong xã-hội nước Nam có bốn hạng người xuất-chúng: bọn nhà nho phản-đối, bọn quan-liêu, bọn giàu mới, và bọn tân-trí-thức.

Trước nói về bọn nhà nho phản-đối. — Tôi gọi thế là những người không chịu làm việc với Bảo-hộ Pháp, hoặc đã làm việc mà bị cách-chức vì không chịu theo chân nối gót Bảo-hộ,

les cachets de noblesse de cette classe sociale sont, d'une façon générale, un corps grêle, légèrement voûté, des bras et des jambes d'araignée, une figure osseuse, froide, glabre, à la fois tendue et expressive, une barbiche prématurément blanche, s'aiguissant en pointe au-dessous du menton, des yeux malades derrière des lunettes sombres, rattachées aux oreilles par des branches mal assujetties, un sourire désenchanté flottant autour d'une bouche dédaigneuse, un air d'aristocrate déçu qu'il luit par moments des rêves fugitifs, une pensée vagabonde, enfin quelque chose qui révèle que l'homme est complètement désabusé de la vie et profondément blasé sur tout.

Ils exercent toutes les professions ; ils sont poètes, écrivains, commerçants, laboureurs, médecins, géomanciens, mais riches ou pauvres, tous mènent une vie retirée, avec la nature, les livres ou leurs souvenirs ; cependant, volontiers, ils retiennent les rares touristes qui viennent les voir dans leurs retraites, et, ensemble, à côté d'une tasse de thé, ou d'une calèche d'alcool, on parle des choses du passé, des deux sœurs, de Triệu-Au, de Lý-Bôn, de Ngô-Quyền, de Lê Đại-Hành vainqueur des Chinois à Chi-lăng, de Lý Thường-Kiệt et de ses stratagèmes, de Trần Hưng-Đạo et de sa bravoure, de Lê Lợi et de sa vaillante troupe de partisans, de Gia Long qui a fait venir les étrangers, de Phan Thanh-Giản qui a ouvert sans combat les portes de la Cochinchine, de Nguyễn Tri-Phương mort sur le champ de bataille ; on cite un mot de l'un, une pensée de l'autre ; on se rappelle les quatre vers du général de Lý Nhân-Tôn, on chantonne la vibrante proclamation de Trần Hưng-Đạo, on regarde le soleil qui meurt, pâle, à l'horizon, et on évoque, séchant une goutte de larme coulant avec peine des yeux creux, l'image de la patrie malheureuse qui va s'éteindre comme cette lumière vacillante de la journée. Le lieu, l'heure, la

Xét cái hình-dung bề ngoài thì các cụ có mấy cái đặc-tính cao-thượng như sau : mình-mẩy gầy-gò, lưng hơi gù-gù, chân tay lều-khuều như chân nhện, mặt xương-xương, lạnh-lẽo, xanh-xám, nét mặt vừa cứng đờ mà vừa có thần-sắc, một chùm râu bạc sòm, nhọn hoắt ở dưới cằm, mắt cặp-kèm đeo nhõn-kinh đen, buộc lên tai bằng đôi gọng lung-lay, miệng khinh đời, cười chua cay, dáng người như thanh-lichem mà có vẻ chán đời, có khi thòi thoảng qua như mơ-màng sự gì, tư-tưởng lòng-bông, nói tóm lại thời có một cái dáng riêng tỏ ra con người đã chán đời mà không thiết gì nữa.

Các cụ làm đủ các nghề : làm thơ, làm sách, đi buôn, làm ruộng, làm thầy thuốc, làm thầy địa, nhưng dù giàu dù nghèo, người nào cũng có ý ăn-dật, lấy gió mát trăng trong, sách-vở cùng chuyện cũ làm bạn ; song thời-hồ có kẻ đến thăm ở chốn ăn-cư, cũng sẵn lòng giữ lại chơi, ngồi cạnh chén nước bầu rượu, kể chuyện đời xưa : chuyện hai bà Trưng, bà Triệu - ầu, ông Lý Bôn, ông Ngô Quyền, vua Lê Đại-Hành đánh được Tàu ở Chi - lăng, ông Lý Thường-Kiệt có mưu tài thế nào, ông Trần Hưng-Đạo có đảm-lược thế nào, vua Lê Lợi cùng quân nghĩa-dũng, vua Gia-Long đem người ngoại-quốc vào, ông Phan Thanh-Giản không biết đánh giữ đất Nam-Kỳ mà đem mở cửa cho người ngoài vào, ông Nguyễn Tri-Phương chết trận ; nói đến người nào lại thuật lại một vài lời di-ngôn của người ấy, như đọc bốn câu thơ của tướng vua Lý Nhân-tôn, đọc bài hịch hùng-hồn của ông Trần Hưng-Đạo, rồi nhìn mặt trời lặn non đồi, xúc-cảnh sinh-tình, ứa ra giọt nước mắt, thương cái tổ-quốc gian-truân, rồi cũng có lúc tắt đi như cái ánh sáng hoàng-hôn nọ. Chỗ ngồi ấy, thời-khắc ấy, giọng nói rủa rủa, bộ râu

voix chevrotante des orateurs, leur barbe blanche, les rides profondes que les malheurs passés ont laissées sur leur visage, la dignité de leur vie présente, donnent à leurs paroles un lumineux prestige, mais, on sent malgré tout, à les entendre, qu'il rêvent d'un vaste rêve du passé que l'évolution du pays depuis plusieurs années rend plus que jamais « inactuel ». La jeunesse annamite a été élevée dans des écoles où elle n'a pas l'habitude d'entendre ces propos troublants. Un peu éblouie par la lumière brutale qu'on lui projette aux yeux, elle n'ose pas avancer de peur de faire un faux pas, et, pour la décider à aller de l'avant la tête basse, il faut l'aiguillon des déceptions ou celui de la douleur résultant d'un patriotisme ardent, exaspéré par une politique d'oppression. Mais voilà : si les lettrés, en lui parlant, ont la vision des étrangers foulant la terre des ancêtres de leurs bottes ferrées, elle qui les écoute voit profiler devant ses yeux l'image de certains professeurs à l'âme d'apôtre, semant du haut de leur chaire des paroles d'amour. Des scènes de la conquête, connaît-elle tout au plus les deux trous faits naguère par les obus français sur un pan de mur de la citadelle et qui déjà commencent à disparaître sous la verdure pittoresque des plantes grimpantes ; mais ce qu'elle voit tous les jours, c'est l'heureuse influence de la protection française dans tous les domaines de l'activité nationale. Malgré tout le respect qu'elle a pour leurs cheveux blancs, la jeunesse ne peut s'empêcher de penser aux erreurs que ces vieux aînés ont commises autrefois du temps de leur jeunesse, erreurs qui ont bien coûté au pays.

Se détournant des lettrés réfractaires, se laisse-t-elle conduire par les mandarins, ces

trắng bạc, mặt răn-reo vì những nỗi khổ-sở đã qua, lại cái cách sinh-tồn ngày nay rất xứng - đáng làm cho những lời nói của các cụ có cái ý nghĩa sâu-xa, song tuy vậy mà nghe các cụ nói, tưởng như các cụ đang mơ-mộng một cái đại - mộng đời xưa, cứ sự tiến - hóa nước nhà đã mấy năm nay thời cái mộng ấy thật không thích - thời lắm vậy. Thanh-niên nước Nam học ở các trường ra thật không quen nghe những lời nói nao lòng đó. Nghe những lời nói đó, như bị cái ánh sáng dữ-dội nó trói dọi vào giữa con mắt, hơi như mờ quáng, không dám bước lên, sợ vấp ngã ; muốn cho thanh-niên cứ nhắm mắt tiến lên, thời phải có cái chính-sách hà-hiệp nó làm cho cái lòng nhiệt-thành ái-quốc bị tỏa-chiết khốn-dốn mới đủ thúc giục được. Nhưng mà không : các cụ nhỏ nói như thế là các cụ mơ-màng như còn trông thấy quân ngoại-quốc đi ủng sắt dây-séo lên đất quê-hương, chớ kể thanh-niên nghe các cụ nói thời chỉ trông thấy thấp-thoáng trước mắt cái hình-ảnh mấy ông giáo đạo-mạo đứng trên diễn-đàn mà diễn-giảng những lời thân-ái. Cái cảnh chinh-phục nước nhà, thanh-niên ngày nay có lẽ chỉ còn trông thấy cái vết đạn của quân Pháp bắn vào một mảnh tường thành Hà-nội, vết ấy ngày nay những cây leo đã mọc chùm lên xanh rì, gần kín khắp ; mà cảnh hằng ngày trông thấy trước mắt là cái ảnh-hưởng tốt của chính-sách Bảo-hộ Đại-Pháp trong các phạm-vi hành-động của quốc-dân. Thanh-niên tuy có tôn-kính cái tóc bạc của các cụ thật, nhưng cũng không thể không nhớ đến những sự lầm-lỗi của các cụ hồi thừa trể, sự lầm-lỗi ấy đã hại cho nước biết bao nhiêu.

Thanh-niên đã không làm tai nghe các nhà nho phản-đối, vậy thời có để

« pères et mères du peuple » ? — La Bruyère a dit :

« L'on doit se taire sur les puissants, il y a presque toujours de la flatterie à en dire du bien ; il y a du péril à en dire du mal pendant qu'ils vivent et de la lâcheté quand ils sont morts ».

Je suivrai, pour le repos de mon âme, le conseil du moraliste. De nos mandarins, je ne dirai du bien, ni du mal ; je constate seulement le silence dédaigneux de la jeune génération actuelle devant les appels de la classe des « *dirigeants officiels* ». Cependant tout paraît contribuer à donner à leur voix une grande autorité : leurs médailles, leurs plaques d'ivoire et d'or, la richesse des vêtements qu'ils portent, le luxe dans lequel ils vivent, le reste de pouvoir dont ils sont encore investis. On connaît la fascination qu'exercent les insignes de noblesse sur l'âme faible de la foule, particulièrement de la foule ignorante du pays d'Annam. Par le seul fait qu'un homme occupe une haute position sociale, qu'il a la poitrine chamarrée de décorations, il est auréolé de prestige, et l'un des effets les plus frappants de cette sorte de fascination, c'est de paralyser les facultés critiques de l'individu qui la subit pour en faire une marionnette à la merci du manœuvrier.

Mais ce prestige n'est qu'un vêtement d'emprunt ; quand on ôte le vêtement, il s'évanouit. Il s'évanouit aussi s'il arrive par malheur que le vêtement ne peut pas dissimuler entièrement sous l'éclat de ses ors le dessous crasseux du corps. La jeunesse nouvelle le sait, et c'est pourquoi, elle n'a pas pour les « pères et mères du peuple » le respect superstitieux du *nhà-quê*.

(A suivre)

P. C. C.  
NGUYỄN NHỎ

cho hạng quan-liêu, là « dân chi phụ mẫu » hướng-đạo không ? — Ông LA BRUYÈRE đã có câu nói rằng :

« Đối với những người quyền-quí, không nên nói gì là phải, nói tốt thời không khỏi có ý nịnh ; nói xấu thời khi họ còn sống, có nguy-hiểm cho mình, khi họ chết rồi, nói sau họ là hèn. »

Muốn cho lương-tâm được yên-ôn, tôi cũng xin theo lời khuyên của nhà luân - lý đó. Vậy tôi không nói tốt và cũng không nói xấu quan-trưởng ; tôi chỉ nhận thấy rằng bọn thanh-niên đối với kẻ « hướng-đạo của Nhà nước » xướng-suất sự gì, có ý lãnh-đạm lắm. Mà các ngài quan-lại vốn có đủ cách để làm cho lời nói mình có oai-quyền, nào là « mền-đay », nào là thẻ ngà cùng thẻ vàng, nào là quần áo đẹp, nào là ăn ở phong-lưu, lại cũng còn lại được một chút quyền thừa. Ai là người không biết, đối với công-chúng, nhất là công-chúng đổ nát nước Nam, những cái dấu hiệu sang-trọng như thế, đủ làm cho người ta mê-sợ. Một người ngồi chỗ địa-vị cao, ngực đeo huy-chương nhiều, chỉ có thể là đủ có cái oai-quyền riêng, và đã làm cho người ta mê-sợ thì có một cái lạ, là người mê sợ ấy như đàn dộng đi, không đủ sức mà phảm-bình quan-sát nữa, thành ra một cái máy tùy người ta sai khiến.

Song cái oai-quyền ấy là cái áo mượn khoác ngoài mà thôi ; cất áo ra thì oai-quyền cũng biến mất. Lại chẳng may mà găm vóc bên ngoài không đủ che được những ghét-cáu ở trong, thì cái oai-quyền kia cũng đi đời nốt. Bọn thanh-niên tân-tiến cũng biết thế, nên không có cái lòng kính-sợ quan phụ-mẫu như kẻ nhà quê hủ-lậu vậy.

(Còn nữa)

# Réflexions sur l'art d'écrire et la nouvelle littérature annamite

## Suy-nghĩ về phép làm văn và lối quốc-văn mới

Soyez plutôt maçon, si c'est votre talent,  
Ouvrier estimé en un art nécessaire.  
Qu'écrivain du commun et poète vulgaire.  
BOILEAU (*Art poétique*)

\*\*\*

Tout le monde sait qu'il y a en ce moment dans notre pays un véritable mouvement de rénovation de la littérature nationale. N'avez-vous pas remarqué, en effet, que jamais nos compatriotes n'ont autant écrit en langue annamite que de nos jours et que déjà partout il s'est formé des cénacles pour la défense et l'illustration de notre idiome? Et voilà un heureux signe du temps, qui ne va pas sans combler de joie et d'espoir le cœur de ceux d'entre nous qui savent aimer leur langue maternelle et ont pris à tâche de travailler à sa conservation. Mais devant le chiffre sans cesse croissant de nouveaux livres qui paraissent chaque jour, croyez-vous que nos jeunes écrivains d'aujourd'hui soient déjà en possession des principes de l'art d'écrire? Je vous avoue qu'à les lire, j'hésite un peu à répondre par l'affirmative. Il semble que la plupart de nos auteurs sont tout simplement pris de snobisme et d'engouement et veulent jouer tant bien que mal un rôle qui leur est imposé par la vanité.

Le *quốc-ngữ* étant à la mode, ils écrivent, ils publient, ils inondent les librairies de leurs productions plus ou moins saugrenues, et il se trouve toujours des gens pour les admirer, pour les qualifier de « *Tiên-Sinh* » (Maîtres), car, comme dit Boileau,

*Un sot trouve toujours un plus sot  
qui l'admire.*

Anh có tài làm thợ nề, đi làm thợ nề  
quách : *nhất nghệ tinh nhất thân vinh*,  
còn hơn là làm văn hào-huyền, làm thơ  
bá-láp.

...

Ai cũng biết rằng hiện nay ở nước ta đang có cái phong-trào phục-hưng quốc-văn. Các ngài không thường nhận thấy rằng đồng-bào ta không bao giờ viết văn An-Nam nhiều bằng bây giờ, và dẫu dẫu cũng thấy lập những hội văn đề bảo-tồn và phát-huy tiếng quốc-âm ta ư? Đó là một cái triệu-chứng tốt về thời-thế, chắc những người biết yêu - mến tiếng nước nhà, gia-công giữ-gìn cho tiếng nước nhà, trông thấy cũng phải vui lòng hởi dạ. Nhưng mà thấy cái số sách mới xuất-bản mỗi ngày một nhiều, dễ các ngài nghĩ các nhà thiếu-niên-văn-sĩ ta đã sành cái phép-tắc làm văn lắm đấy hẳn? Tôi xin thú thật rằng tôi đọc các sách ấy, hơi lấy làm ngằn-ngại không dám quyết như thế. Xét ra phần nhiều các nhà trước-tác ta là chỉ hiểu-ký, chỉ a-dua, vì cái lòng hiểu-danh mà miễn-cưỡng muốn đóng vai văn-sĩ đó thôi.

Bây giờ chữ quốc-ngữ đang thịnh-hành, các ông ấy làm văn, các ông ấy in sách, các ông ấy chất đầy các hiệu sách những văn-chương nhớ-những của các ông ấy, thế mà vẫn có kẻ cảm-phục, vẫn có kẻ xưng các ông ấy là « *tiên - sinh*, » vì theo như lời ông BOILEAU đã nói :

« Một đũa ngu bao giờ cũng có đũa  
ngu hơn cảm-phục. »

Et qu'écrivent la plupart de ces jeunes « maîtres » de dix-sept ans à peine sortis des écoles primaires franco-annamites, qui veulent se faire un nom dans les lettres annamites ?

Je ne veux faire aucune peine à nos « văn-sĩ », mais la vérité m'oblige à dire qu'on trouve dans leurs « œuvres » (?) beaucoup plus de banalités, voire même de naïvetés, que d'idées neuves et originales, et que leur style est le plus souvent un galimatias incompréhensible fait de vieux « clichés » surannés et de néologismes prétentieux.

Je suis, moi aussi, un partisan enthousiaste de la nouvelle littérature annamite ; mais force m'est de reconnaître que la quantité y prime souvent la qualité, et que nos collègues les « văn-sĩ » n'ont pas encore suffisamment réfléchi aux principes essentiels de ce qu'on appelle l'art d'écrire. Je voudrais leur soumettre quelques remarques que m'a suggérées la lecture de leurs écrits.

\*  
\* \*

Nous voulons être des littérateurs. Qu'est-ce donc que la littérature et quelle est son essence ? A mon avis, la littérature est la tendance à rendre vivace, au moyen des mots, ce qui est fugitif ou éphémère dans cette vie, et son essence est la vie même, la vie sous toutes ses formes. Mais la vie, comme la pensée, est en perpétuelle transformation ; comment pouvons-nous chercher des formules qui s'adaptent exactement à de multiples nuances ? Pour cela nous devons créer de nouvelles associations de mots en vue de donner à l'expression des idées et des choses une forme originale. C'est ce que les frères Goncourt appellent « l'écriture artiste ». Mais ces innovations reçoivent-elles toujours l'accueil favorable du public ? On peut se le demander. Ne vit-on pas en France des hommes reprocher à Corneille d'avoir dit : *une ferveur*

Vậy thời phần nhiều các ông « thiếu-niên tiên-sinh » (1) mười-bảy tuổi chưa ra khỏi trường Sơ-học Pháp-Việt ấy, làm những văn-chương gì ?

Tôi không muốn làm phiền lòng các ông văn-sĩ ta, nhưng sự thực nó bắt tôi phải nói rằng trong « văn-chương » (?) của các ông, cái phần vô - vị, có khi đến si - ngốc nữa, nhiều hơn là những tư-tưởng mới lạ, và lời văn của các ông thời thường-thường là một mớ chữ không ai hiểu là gì cả, nửa là những câu sáo cổ cũ-rích, nửa là những danh-từ mới cao-kỳ.

Tôi cũng là một người nhiệt-thành về quốc-văn mới, nhưng tôi không thể không nhận thấy rằng trong văn-chương mới của ta, phần *lượng* thường là thắng phần *phẩm*, và các bạn văn-sĩ ta có lẽ chưa từng suy-ngĩ kỹ đến những phép cốt-yếu của nghề làm văn. Vậy tôi xin bày với các bạn một vài điều tôi ngẫm-ngĩ được trong khi đọc sách của các ngài.

..

Chúng ta muốn làm văn-chương. Vậy thời văn-chương là gì, và cái tôn-chỉ của văn-chương thế nào ? Cứ như ý tôi thời văn-chương là dùng chữ để diễn những cái hiện-tượng phẳng-phất ở đời, cho nó có sinh-hoạt hiển-nhiên, và cái cốt-cách của văn-chương chính là sự sinh-hoạt, sự sinh-hoạt thiên-hình vạn-trạng. Nhưng mà sự sinh - hoạt cũng như sự tư-tưởng, hằng biến-hóa luôn, làm thế nào mà tìm được những câu văn-chương cho nó thích-hợp hẳn với những cái hình-sắc biến-hóa ấy ? Vậy ta phải tìm lấy những cách ghép chữ mới, thế nào cho diễn được các tư-tưởng sự-vật một cách đặc-sắc. Đó tức như hai anh em ông GONCOURT gọi là « lối văn mỹ-thuật » vậy. Nhưng mà những lối đặt chữ mới như thế, công-chúng có hoan-

jeune, parce que : *Ya-t-il une ferveur qui soit jeune*, demandèrent-ils ? Pour avoir eu seulement l'initiative de faire des emprunts au chinois et au japonais pour traduire exactement l'expression de certaines idées philosophiques ou notions scientifiques nouvelles, le Directeur du *Nam-Phong*, n'a-t-il pas, lui aussi, reçu sur sa tête une pluie de critiques tant verbales qu'écrites de la part de ses lecteurs qui, au début, n'étaient pas encore familiarisés avec l'emploi de ces néologismes qu'ils trouvaient naturellement extravagants ? Et pourtant, malgré toutes les innovations qu'on lui a apportées, notre littérature est encore remplie d'expressions surannées que les « *văn-sĩ* » au style banal emploient couramment sans jamais se demander si elles traduisent exactement leur pensée. La banalité est la règle de leur représentation des choses et il leur manque l'énergie nécessaire pour se débarrasser des mots impropres et des images qui sont comme des ornières où leur pensée retombe.

Avez-vous lu quelquefois un roman peignant les mœurs des Noirs ? Je me rappelle avoir lu la *Sultane Marocaine* où l'auteur rapporte qu'en parlant d'un jeune homme, les indigènes disent invariablement : « Il a l'âge d'un bel arbre fruitier », et qu'en souhaitant la bienvenue à un visiteur, ils répètent à satiété : « Nous vous accueillons comme l'abondance des moissons ». C'est ce que font également nos écrivains. Pour eux, toutes les belles femmes sont des personnes « aux lèvres de carmin et aux jours fardées », « aux yeux de phénix et aux sourcils de vers à soie ». Ces expressions continuent à circuler de bouche en bouche. Le monde change, notre point de vue varie ; comment voulez-vous que ces vieilles formules rendent encore

ngheh không ? Cái đó cũng chưa chắc. Ở nước Pháp ngày xưa, chẳng có người đã chê ông CORNEILLE dùng chữ *ferveur jeune*, vì họ hỏi rằng *ferveur* có thể *jeune* sao được ? Lại như ông chủ-bút *Nam-Phong* năm trước, chỉ có khời-xương ra mượn ít chữ Tàu chữ Nhật để dịch cho đúng các lý-tưởng về triết-học và khoa-học mới, mà độc-giả bài-bác công-kích biết bao nhiêu, kẻ chê ngoài miệng, người bác bằng văn, vì rằng lúc mới đầu họ chưa quen dùng những danh-từ mới ấy, họ cho là kỳ-dị. Tuy đã hết sức cải-lương cho quốc-văn ta như thế, mà ngày nay vẫn còn đầy những lối nói cũ-rích, các nhà văn-sĩ vô-vị thường hay dùng đến luôn, không tự hỏi xem những lối nói ấy có diễn được đúng tư-tưởng mình không. Các ông ấy tá-mạc các sự-vật không thoát khỏi được cái tật vô-vị, và tự mình hình như không có đủ sức mạnh mà bài-trừ hết những tiếng không đúng cùng những lối tỉ-dụ đã quá cũ, làm cho tư-tưởng triển-miên ở trong những cái khuôn cò.

Các ngài đã từng đọc bộ tiểu-thuyết nào tả về phong-tục giống Da-đen chưa ? Tôi còn nhớ có đọc bộ tiểu-thuyết « Hoàng-phi nước Ma-lặc-kha », tác-giả thuật rằng người thổ-dân ở đấy hề muốn tả người con trai còn trẻ thì tất nói rằng : « Anh ấy bằng tuổi cái cây có quả đẹp kia », muốn chúc mừng một người khách đến chơi, tất nói rằng : « Chúng tôi mừng đón ông như mừng được mùa. » Các ông làm văn ta cũng thế. Tả người đàn-bà đẹp thì tất là « *môi son má phấn* », « *mắt phượng mày ngài* ». Nhưng lối nói ấy cứ truyền miệng người nọ đến người kia. Thế-giới biến-đổi ; cách ta quan-sát sự đời cũng đổi khác đi ; nay những câu sáo cũ như thế mà cứ dùng hoài mãi thì thế nào cho diễn được

exactement nos sentiments, nos sensations et nos pensées ?

Il a fallu cinquante ans aux Américains pour expurger de leur littérature les expressions: « timbre d'alouette, roulade de rossignol », oiseaux absolument inconnus aux Etats-Unis. Quand donc nos poètes annamites pourront-ils ne plus évoquer l'image du Thái Sơn ou du Hoàng-Hà dans leurs vers? De même que le sol calcaire est formé d'organismes autrefois vivants, de même le langage est formé d'images autrefois fraîches et animées. Ce qui différencie les bons écrivains des écrivailleurs, c'est que ces derniers continuent à les employer mortes et c'est d'ailleurs de cette façon qu'écrivent nos « văn-sĩ » à la mode.

A côté d'eux, il existe encore une classe d'écrivains au style abstrait. Comme le style banal, le style abstrait est aussi une forme de la paresse d'esprit. « Celui qui se sait profond, a dit Nietzsche dans le *Gai Savoir*, s'efforce d'être clair, celui qui voudrait sembler profond à la foule s'efforce d'être obscur. » Les mots abstraits ne font souvent que cacher le vide de la pensée et ce sont pourtant ceux qu'aime la plupart de nos journalistes.

A propos des critiques d'art de son temps, Courbet, peintre réaliste du XIX<sup>e</sup> siècle, a dit : « Veux-tu être un critique d'art ? Eh bien ! apprends par cœur ces expressions : peinture forte, puissance de coloris, vigueur de tons, et tu pourras faire des articles dans n'importe quel journal. » — Il faut avouer que ces mots apirituels s'appliquent parfaitement au cas de nos littérateurs d'aujourd'hui.

Après des siècles de domination chinoise, la littérature annamite semble n'avoir pas

đúng những tinh-y, cảm - giác, tư-tưởng của ta ?

Người nước Mỹ phải đến năm-mươi năm mới bỏ được hết những câu văn tả tiếng chim họa-mi hót, giống chim ấy ở Mỹ-châu tuyệt-nhiên không có. Không biết các thi-nhân ta, bao giờ mới thôi không làm thơ về Thái - sơn Hoàng-hà nữa ? Đá vôi dưới đất là nguyên bản chất các giống sinh-vật, thành ra tiếng nói người ta cũng vậy, lúc mới đầu là hình-dung những cái cảm-giác mới-mẻ hoạt-động, mà lâu ngày thành trần-hủ. Người làm văn khéo với người làm văn vụng khác nhau, là người vụng chỉ biết dùng những câu trần-hủ mà thôi ; ấy các nhà văn-sĩ thịnh - hành của ta bây giờ phần nhiều viết như thế cả.

Ngoài hạng ấy lại còn một hạng văn cao-kỳ nữa. Lối văn cao-kỳ cũng như lối văn vô-vị, là tỏ ra cái trí biếng-nhác. Ông NIETZSCHE trong sách « Sự học vui-vẻ » đã nói rằng : « Người nào văn thật thâm-trầm thì lại cố viết cho rõ - ràng ; người nào muốn làm ra thâm-trầm đối với công-chúng thì lại cố viết cho tối-tăm khó hiểu. » Những tiếng cao-kỳ quá lắm khi chỉ che cái tư - tưởng hư - không, thế mà phần nhiều các nhà làm báo ta lại hay dùng những tiếng ấy.

Ông COURBET là một nhà họa-học tả-thực về thế-kỷ thứ 19, bình-phẩm về các nhà mỹ-thuật phê-bình về thời ông, có nói rằng : « Anh có muốn làm một tay mỹ-thuật-phê - bình không ? Được lắm, thế thì anh cứ học thuộc lòng mấy những tiếng như : *peinture forte, puissance de coloris, vigueur de ton*, v.v., rồi làm bài vụng trong các báo. » — Phải thú thật rằng câu nói đĩnh-ngộ ấy thật là hợp với các tay làm văn ta ngày nay.

Nước ta bị Tàu áp-chế trong mấy mươi thế-kỷ, văn-chương Việt-Nam ta

existé, et maintenant que nous voulons la rénover pour la rendre aussi originale et aussi intéressante que celle du Japon par exemple, je crois que nous y arriverons bien difficilement avec ces catégories d'écrivains dont je viens de parler.

Par leur méconnaissance complète des principes essentiels de l'art d'écrire, ils se nuisent à eux-mêmes en s'enfonçant de plus en plus dans le galimatias, et nuisent à leurs lecteurs dont ils dépravent le goût.

Le seul moyen de bien écrire pour ne pas tomber dans les défauts que j'ai énumérés ci-dessus (banalité, abstraction, incohérence, négligence), c'est, je crois, d'écrire sincèrement avec le plus de conscience, de précision et de clarté possible.

« Point d'artifice, dire ce qu'on pense, exprimer ce qu'on sent, comme on le pense, comme on le sent, sans ombre de grossissement ni d'embellissement, à cela se borne l'art d'écrire. » (Champion).

*Avant donc que d'écrire, apprenez à penser . . .*

*Ce que l'on conçoit bien s'énonce clairement . . .*

Et surtout sachons penser exactement, si je puis dire. Ecrivons, si cela nous plait, mais ayons toujours le culte de la Vérité avec cette devise cartésienne : « Ne recevoir jamais aucune chose pour vraie que je ne la connaisse évidemment être telle. » Et cette vérité, exprimons-la par des mots simples, clairs, précis, qui s'adaptent exactement à ce que nous voulons dire, et évitons l'emploi des images emphatiques, des mots grandiloquents.

La langue de Nguyễn Du est déjà assez riche pour mériter qu'on la conserve précieusement. Notre devoir est de l'embellir de plus en plus et de produire des œuvres dignes du *Kim-Vân-Kiều*.

hầu như không có bao giờ, nay ta muốn chấn-hưng lên để làm cho cũng có đặc-sắc như văn nước Nhật, tưởng nếu chỉ có những hạng văn-sĩ như trên tôi vừa nói, thời cũng khó lòng mà đạt được cái mục-đích ấy.

Các ông ấy tuyê-tiên không biết những cái yếu-pháp của nghề làm văn, vừa hại cho mình vì càng ngày lại càng ngập sâu mãi vào cái lối văn-chương « bi-beong », vừa hại cho người đọc vì làm hư mất cái khiếu thẩm-mĩ của người ta đi.

Muốn cho khỏi mắc vào mấy cái tật như tôi đã kể trên kia (vô-vị, cao-kỳ, rời-rạc, đối-dá), thiết-tưởng chỉ có một cách, là viết văn cho thành-thực, cho cần-thận, cho đúng nghĩa, cho rõ-ràng.

Sách tây đã dạy về phép làm văn rằng : « Đừng có kiêu-sức, nghĩ làm sao, nói làm vậy, cảm làm sao, diễn làm vậy, đừng khoa-trương, đừng phô-đẹp ra một tí nào, ấy phép làm văn chỉ có thế mà thôi. »

Lại có câu rằng : « Trước khi làm văn, hãy biết tư-tưởng đã... Cái gì nghĩ đã đến nơi, tất nói ra được rõ-ràng... »

Mà thứ nhất là phải biết tư-tưởng cho đúng. Có hứng làm văn, cứ việc mà làm văn, nhưng phải biết tôn-trọng sự thực, và nhớ câu cách-ngôn của ông DESCARTES nói rằng : « Cái gì chưa biết đích-xác là thực, thì đừng nhận làm sự thực vội. » Cái sự thực ấy, muốn diễn nó ra, phải dùng những chữ giản-dị, rõ-ràng, đúng nghĩa, thích-hợp như in với cái ý mình muốn nói, và tránh cho xa những lối tỉ-dụ quá-đáng, những lời văn-từ khoa-dại.

Lời văn cụ Nguyễn Du kể cũng đã phong-phú lắm rồi, ta phải chân-trọng mà giữ - gìn lấy. Cái nghĩa-vụ ta là phải chải-chuốt cho mỗi ngày một hay một đẹp thêm lên, và sản-xuất được những văn-chương xứng-đáng với truyện *Kiều*.

W. James a dit : « L'ancien ni le nouveau ne sont par eux-mêmes intéressants. Les choses anciennes sont insipides, les choses nouvelles ne disent rien. » C'est pourquoi Baudelaire fut un des plus infortunés poètes, bien qu'il ait été félicité en ces termes par Victor Hugo : « Vous avez doté le ciel de l'art d'on ne sait quel rayon macabre. Vous avez créé un frisson nouveau. »

Lamartine a connu un succès foudroyant avec ses *Méditations Poétiques*, parce que les Français avaient déjà, à cette époque, la notion des sentiments languissants et tristes. L'auteur des *Fleurs du Mal* n'a pas reçu, lui, la consécration populaire, parce que la préperception de ses contemporains est venue trop tard, c'est-à-dire seulement après sa mort.

Stendhal faisant des romans psychologiques, avait dit : « Je serai célèbre dans 20 ans. » Et il l'a été réellement. Il fut ainsi bon prophète, bon psychologue, en ce sens qu'il comprenait la mentalité de ses contemporains.

Nos écrivains annamites d'aujourd'hui gagneraient beaucoup à tirer une leçon de ces exemples, en cherchant dans leurs écrits à éduquer le goût de leurs contemporains tout en s'en inspirant.

Le public a, d'ordinaire, une certaine défiance de la nouveauté tenant de sa méconnaissance et de son esprit de conservation. Toutefois la littérature n'est rien si on n'y apporte de temps à autre un charme nouveau. Rompre avec le passé, c'est la singularité créatrice ; suivre le passé, c'est le ritualisme littéraire. Les deux extrêmes ne sont pas bien tentants, le meilleur parti n'est-il pas pour nous de prendre la moyenne pour conserver à notre littérature nationale ses anciennes fleurs en n'en détachant que celles qui ont perdu de leur

Ông W. JAMES đã nói rằng : « Mới hẳn cũng không hay, mà cũ hẳn cũng không hay. Cũ lắm thời vô-vị, mà mới lắm thời vô-nghĩa. » Bởi thế nên ông BAUDELAIRE, là một nhà thi-sĩ có tài ở nước Pháp, đã được ông VICTOR HUGO khen rằng : « Ông điễm cho cái trời mỹ-thuật được một tia sáng ma-quái lạ. Ông đã chế-tạo được một cách rùng mình mới », thế mà sinh-bình chỉ những lận-đận, có ai biết đến đâu.

Ông LAMARTINE thời mới xuất-bản tập « Thi-boài », được thiên-hạ hoan-ngheh biết chừng nào, vì người Pháp lúc bấy giờ đã quen những cái tình-cảm âu-sầu buồn-bã. Chứ như ông BAUDELAIRE xuất-bản tập « Ác-hoa » thời không được công-chúng hoan-ngheh chút nào, vì người đương-thời lúc bấy giờ chưa hiểu, mãi đến sau khi ông chết mới biết.

Ông STENDHAL làm tâm-lý-tiểu-thuyết, nói rằng : « Hai-mươi năm nữa thì tôi thành danh to » Quả-nhiên như vậy. Ông tiên-tri thật, ông sành tâm-lý thật, nghĩa là ông hiểu cái tâm-tính của người đồng-thời ông.

Các văn-sĩ nước Nam ta cũng nên lấy đấy mà làm gương, làm văn-chương vừa phải theo cái sở-thích của người đồng-thời mà lại vừa phải rèn-dạy cái tính thâm-mĩ của người ta.

Công - chúng thường không biết chuộng cái mới, vì rằng không hiểu và hay có tính bảo - thủ. Nhưng văn-chương nếu tỉnh-thoảng không có cái vẻ mới lạ, thì không phải là văn-chương. Đoạn-tuyệt với cũ, đó là sự sáng-tạo ly-kỳ ; câu-nệ theo cũ, đó là cái lẽ-lối trần-hủ. Hai cái cực-đoan ấy cũng là không hay cả ; bất-nhược ta đứng giữa, ta giữ lấy những cái bông hoa cũ của văn-chương ta, cái nào đã khô-héo ta ngắt bỏ đi, mà ta lại trồng thêm những cái bông hoa

fraicheur et tout en cultivant de nouvelles implantées des jardins enchantés de l'Occident ? Le ritualisme ne doit s'attacher qu'au théâtre et à la poésie, deux choses qui réclament la compréhension immédiate du public. *Cyrano de Bergerac* d'Edmond Rostand, faisant volte-face à la littérature « rosse » et retour à l'esprit chevaleresque, a obtenu le plus grand succès du XIX<sup>e</sup> siècle. (La poésie n'est pas dans un cas rigoureux, seul le théâtre.)

Un dernier mot pour terminer : La carrière d'homme de lettres est-elle de toutes la moins fatigante et la plus lucrative, ainsi que je le pensais il y a quelques années ? Non, non ; je connais l'histoire des droits d'auteurs en France et... ici, et que Dieu me garde de quitter mon humble situation actuelle de petit employé de l'administration (en attendant mieux) pour aller vivre uniquement de ma plume ! Je me rappellerai toujours le conseil que Diderot a donné à un jeune poète : « Allez vous en faire fortune d'abord, et, une fois votre fortune faite, revenez faire tant de mauvais vers qu'il vous plaira, à condition que vous ne les fassiez pas imprimer, car il ne faut ruiner personne ». — Je voudrais engager nos jeunes « vắn-sĩ » à faire leur profit de ces sages paroles du philosophe.

NGUYỄN ĐÔNG-HÀ

### Le Bibelot

Le Bibelot, c'est l'éventail qui ne bat plus de l'aile, c'est la clef ciselée qui n'ouvre plus de portes, c'est la bourse qui ne tintent plus les pièces d'or. Il n'y aura plus de bibelot le jour où la société, devenue résolument utilitaire, voudra adapter chaque objet à une fin rigoureuse. Le bibelot est antifinaliste, aristocratique et patricien.

(De L'illustration)

mới lạ đem tự các hoa-viên thanh-thú bên Tây-phương sang. Thi-ca, diễn-kịch mới cần phải theo lẽ lối, cần phải trực-tiếp cho công-chúng hiểu ngay. Như bài tuồng *Cyrano de Bergerac* của EDMOND ROSTAND, phản-đối lại với lối văn-chương « bản » hời bấy giờ, và phục-hồi cái võ-sĩ-tinh-thần đời trước, thật là một bài tuồng đặc-thể nhất và được thiên-hạ hoan-ngheh nhất về thể-ký thứ 19. (Thi-ca cũng không tất-nhiên phải như thế, duy diễn-kịch thời phải thế.)

Nay xin nói nốt câu nữa : Nghề vắn-sĩ có phải là một nghề thanh-nhàn và lợi-lộc hơn nhất, như mấy năm trước tôi thường tưởng thế không ? Không, không ; tôi biết chuyện các vắn-sĩ ở bên Tây và... ở đây, làm sách được những quyền-lợi thế nào rồi, tôi chỉ cầu Trời đừng phải bỏ cái việc làm nô-mọn của tôi trong sở nhà-nước bây giờ (là làm tạm-thời, rồi sau được hơn càng hay.) để ra sinh-nhai với đời bằng ngọn bút. Tôi sẽ nhớ lời ông DIDEROT khuyên một tay thi-sĩ trẻ tuổi rằng : « Bác hãy cứ đi làm giàu đi đã, rồi hễ bao giờ có của rồi, bấy giờ muốn làm bao nhiêu thơ nhảm thì làm, nhưng mà cốt nhất là đừng có đem in ra, vì đừng nên làm hại ai. » — Tôi cũng muốn mời các bạn vắn-sĩ trẻ ta nên ngâm - nghĩ mấy lời nói khôn-ngoan của nhà triết-học đó.

### Đồ ngoạn-vật

Đồ ngoạn-vật là gì ? Đồ ngoạn-vật là cái quạt kia không quạt được nữa ; cái chìa khóa chìa kia không dùng để mở cửa được nữa ; cái túi đựng tiền kia không còn loảng-xoảng đồng tiền vàng nào nữa. Đến ngày nào xã-hội chỉ biết trọng thực - lợi, vật gì cũng có một sự dùng nhất-định, thì ngày ấy không còn có đồ ngoạn - vật nữa. Đồ ngoạn-vật là cái vật không có mục-dịch cái vật của kẻ sang-trong quyền-quí.

# Morceaux choisis français

## Traduits en Annamite

(Dich thơ văn Tây)

### Le Grillon

Un pauvre petit grillon,  
Caché dans l'herbe fleurie,  
Regardait un papillon  
Voltigeant dans la prairie.

L'insecte ailé brillait des plus vives couleurs;  
L'azur, le pourpre et l'or éclataient sur ses ailes.

« Ah ! disait le grillon, que son sort et le mien  
Sont différents ! Dame nature

Pour lui fit tout, et pour moi rien.  
Je n'ai point de talent, encor moins de figure ;  
Nul ne prend garde à moi ; l'on m'ignore  
ici-bas !

Autant vaudrait n'exister pas. »

Comme il parlait, dans la prairie  
Arrive une troupe d'enfants.  
Aussitôt les voilà courants

Après le papillon dont ils ont tous envie :  
Chapeau, mouchoirs, bonnets, servent à l'attraper.

Il devient bientôt leur conquête.

L'un le saisit par l'aile, un autre par le corps ;  
Un troisième survient et le prend par la tête :

Il ne fallait pas tant d'efforts  
Pour déchirer la pauvre bête.

« Oh ! oh ! dit le grillon, je ne suis plus fâché ;  
Il en coûte trop cher pour briller dans le monde.

Combien je vais aimer ma retraite profonde !  
Pour vivre heureux, vivons caché.

### Con đê

(Thoát-dịch)

Đang con hây-hây gió nồm,  
Có con đê nắp dưới chòm cỏ xanh.

Nhìn xem cái bướm liêng vành,  
Cánh bay phấp-phới vàng xanh đủ mùi.

Than thân đê những ngậm-ngùi,  
Rằng : « Thân bướm thế, thân tôi thế này.

« Khác nhau một mỏng, một dày,  
« Trách ông Tạo-hóa khéo bày đặt ra !  
« Bướm kia sắc-xảo mẫn-mà ;  
« Tôi đây nào có được ra tuồng gì.  
« Ngẫm mình tài-sắc ra chi,  
« Còn đâu danh-diên mà thi với người.

« Cũng thì đứng ở cõi đời,  
« Mà ai người có coi tôi ra gì !  
« Biết thân đã hẳn thế thì,  
« Có ta cũng chẳng hơn gì không ta. »

Đế đang than-thở thiết-tha,  
Bỗng đâu đàn trẻ chạy ra ngoài đồng.

Cùng nhau xúm lại một vùng,  
Cùng dồn con bướm những hồng bắt chơi.

Nào khăn, nào mũ, toi-bời,  
Làm cho con bướm hết nơi lánh mình.

Rồi sinh ra cuộc tranh-danh :  
Đưa tranh cái cánh, đưa danh cái thân.

Đưa đầu đương lúc bắt-thần,  
Đến vợ cái sở riêng phần thanh-thoi.

Trông gương mà ngán cho đời,  
Đế rằng : « Thôi chẳng oán trời, giận thần.

« Mặc ai lèo-loẹt cõi trần,  
« Ta đây cứ giữ tinh-thần cho an.  
« Hang sâu ngày tháng thanh-nhàn !  
Muốn cho sung-sướng thì an phận mình.